

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ 01/01/2026 ĐẾN 30/6/2026

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

Đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét</i>	
3. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	8 – 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	12 – 13
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	14 – 74

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "**Tổng Công ty**") trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP nguyên là Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty đã được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số **3700146458**, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 12 năm 2025.

Vốn điều lệ : **2.366.000.000.000 Đồng**

Vốn pháp định : **6.000.000.000 Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có:

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số DN : **3 7 0 0 1 4 6 4 5 8**

- * *Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.*

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|---------------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch HDQT |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên HDQT |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên HDQT |
| 4. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên HDQT không điều hành |
| 5. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên HDQT không điều hành |

Ban Kiểm soát (Nhiệm kỳ 2022 - 2027)

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Bùi Thị Kim Khoa | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|------------------------|-------------------|
| 1. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Tổng Giám đốc |
| 2. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám đốc |
| 3. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |
| 4. | Bà | Bùi Kim Nga | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Nguyễn Viết Trọng Nhân | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Ông | Trần Tấn Tới | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch HĐQT
2. Bà Phạm Thị Băng Trang Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 08 đến trang 74.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán cùng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được soát xét cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Phạm Thị Băng Trang

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Số: 0307.01-02/2026/BCSX-NTV.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2026, từ trang 08 đến trang 74, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm trước với giá trị ước tính khoảng 30,6 tỷ Đồng (đã được nêu tại đoạn Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước) và số hàng tồn kho nêu trên đã được xuất bán trong kỳ kế toán hiện tại. Do ảnh hưởng của vấn đề này, các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là Giá vốn hàng bán của kỳ này bị ảnh hưởng tăng và chỉ tiêu Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bị ảnh hưởng giảm tương ứng khoảng 30,6 tỷ Đồng.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Phó Giám đốc – Huỳnh Hữu Phước

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 1762-2023-124-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

ĐVT: Đồng

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.184.083.703.323	6.754.983.044.873
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.021.429.097.512	1.794.732.984.086
111	1. Tiền		671.546.216.712	735.727.984.086
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.349.882.880.800	1.059.005.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		12.602.027.397	30.765.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.2	12.602.027.397	30.765.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.653.115.048.597	2.240.410.119.581
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	1.561.758.733.552	2.082.778.918.268
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	12.826.473.884	11.519.682.403
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	86.441.454.933	154.023.132.682
136	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(7.911.613.772)	(7.911.613.772)
140	IV. Hàng tồn kho		2.347.686.114.566	2.639.030.359.741
141	1. Hàng tồn kho	V.7	2.347.686.114.566	2.639.030.359.741
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		149.251.415.251	50.044.581.465
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.8	13.360.417.529	8.918.276.139
162	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.9	128.288.024.113	27.325.742.822
163	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	7.602.973.609	13.800.562.504
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.785.596.522.767	2.731.007.009.616
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		42.057.179.445	41.037.179.445
215	1. Phải thu dài hạn khác	V.11	42.057.179.445	41.037.179.445
220	II. Tài sản cố định		1.318.746.811.524	1.351.821.767.603
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.12	1.119.197.468.737	1.148.642.974.120
222	- Nguyên giá		2.412.157.233.202	2.393.645.172.498
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.292.959.764.465)	(1.245.002.198.378)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.13	199.549.342.787	203.178.793.483
228	- Nguyên giá		312.493.603.234	312.423.261.234
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(112.944.260.447)	(109.244.467.751)

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
230	III. Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	IV. Bất động sản đầu tư	V.14	291.912.508.264	293.167.114.468
241	- Nguyên giá		351.718.379.254	351.718.379.254
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.805.870.990)	(58.551.264.786)
250	V. Tài sản dở dang dài hạn		710.235.681.227	651.943.440.926
251	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.15	65.381.722.770	47.131.030.447
252	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.16	644.853.958.457	604.812.410.479
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		407.536.921.985	375.550.689.293
262	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.17	407.536.921.985	375.550.689.293
270	VII. Tài sản dài hạn khác		15.107.420.322	17.486.817.881
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.18	15.107.420.322	17.486.817.881
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.969.680.226.090	9.485.990.054.489

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.044.326.744.755	6.664.418.098.534
310	I. Nợ ngắn hạn		5.756.811.453.042	6.377.793.110.464
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.19	813.053.459.907	467.953.577.425
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.20	8.764.895.917	7.405.268.904
313	3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	V.21	146.097.935	6.606.063.120
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.22	9.130.448.387	278.294.265.348
315	5. Phải trả người lao động		8.586.785.211	10.445.307.661
316	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.23	816.894.380	8.647.928.603
320	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.24	37.765.463.300	36.382.825.640
321	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.25	4.450.974.951.950	5.120.928.402.538
323	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.26	34.931.018.525	49.488.842.608
324	10. Quỹ bình ổn giá	V.27	392.641.437.530	391.640.628.617
330	II. Nợ dài hạn		287.515.291.713	286.624.988.070
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.28	22.024.200.000	22.024.200.000
337	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.29	226.593.256.406	219.352.501.016
338	3. Phải trả dài hạn khác	V.30	18.884.192.307	20.525.504.054
339	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.31	20.013.643.000	24.722.783.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.32	2.925.353.481.335	2.821.571.955.955
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.32.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
415	2. Cổ phiếu mua lại của chính mình	V.32.2	(243.800.000)	(243.800.000)
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	V.32.3	(25.242.423.594)	(25.242.423.594)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	V.32.4	41.140.666.966	41.140.666.966
420	5. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.32.5	168.925.767.480	72.039.163.163
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		72.039.163.163	(49.666.015.231)
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		96.886.604.317	121.705.178.394
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.32.6	374.773.270.483	367.878.349.420
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.969.680.226.090	9.485.990.054.489

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

ĐVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.427.814.198.429	10.273.387.931.177
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.33	14.427.814.198.429	10.273.387.931.177
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.34	13.946.488.876.072	9.875.894.529.584
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		481.325.322.357	397.493.401.593
21	6. Lãi (lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.35	25.010.598.989	22.278.492.694
23	8. Chi phí tài chính	VI.36	167.649.766.486	144.686.443.026
24	Trong đó: Chi phí đi vay		152.983.805.703	109.126.371.859
25	9. Chi phí bán hàng	VI.37	197.300.358.244	147.694.942.201
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.38	57.938.113.498	89.843.485.836
27	11. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.39	36.477.910.359	13.533.632.498
30	12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		119.925.593.477	51.080.655.722
31	13. Thu nhập khác	VI.40	4.211.625.590	6.237.704.702
32	14. Chi phí khác	VI.41	2.296.659.394	4.710.126.325
40	15. Lợi nhuận khác		1.914.966.196	1.527.578.377
50	16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		121.840.559.673	52.608.234.099
51	17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.42	18.059.349.026	6.682.676.404
60	18. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		103.781.210.647	45.925.557.695
61	19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		96.886.289.584	37.887.395.120
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	VI.43	6.894.921.063	8.038.162.575
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.44	340	153
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		340	153

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Đan Thảo



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		121.840.559.673	52.608.234.099
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.12; 13; 14	52.911.964.987	50.785.937.297
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính		(53.341.690.152)	(25.460.685.460)
06	- Chi phí đi vay	VI.36	152.983.805.703	109.126.371.859
07	- Các khoản điều chỉnh khác		1.000.808.913	4.131.697.810
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		275.395.449.124	191.191.555.605
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		359.851.517.267	73.252.029.106
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		273.093.552.852	(5.376.979.651)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		105.848.255.945	(487.096.353.562)
12	- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ		(2.062.743.831)	43.581.764.071
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Chi phí đi vay đã trả		(159.197.028.528)	(113.203.741.180)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.22	(14.034.544.186)	(7.600.051.864)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.557.824.083)	(7.368.417.103)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		824.336.634.560	(312.620.194.578)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(92.869.482.812)	(110.080.582.758)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		127.008.576.734	91.583.053.948
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	(5.000.000.000)	(38.246.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	23.265.000.000	3.298.400.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-

ĐVT: Đồng

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.904.029.383	18.109.816.263
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		78.308.123.305	(35.335.312.547)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.25	12.919.754.319.601	11.366.478.790.764
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(13.589.242.998.855)	(10.707.118.751.813)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21	(6.459.965.185)	(8.069.353.385)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(675.948.644.439)	651.290.685.566
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		226.696.113.426	303.335.178.441
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	1.794.732.984.086	1.309.974.148.970
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	2.021.429.097.512	1.613.309.327.411

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Huyền Phương



Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao



Phạm Thị Băng Trang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, sau đây viết tắt là “Tổng Công ty”.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Tổng Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Kinh doanh Xăng dầu; Vận tải xăng dầu đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Sản xuất nước sạch đóng chai; Sản xuất bao bì;
- Kinh doanh tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh đô thị, quản lý nghĩa trang; Quản lý vận hành, duy tu hệ thống chiếu sáng công cộng; Duy trì hệ thống thoát nước đô thị;
- Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Kinh doanh kho bãi, vận chuyển hàng hóa và một số hoạt động kinh doanh khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc chung của Tổng Công ty

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cấu trúc của Tổng Công ty như sau:

- + Trụ sở chính;
- + Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc;
- + Các Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ **Các đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc bao gồm:**

	Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP.HCM	Văn phòng giao dịch, cho thuê văn phòng
2.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang	Kinh doanh xăng dầu
3.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Phường Phú Bài, Thành phố Huế	Kinh doanh xăng dầu
4.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Quốc lộ 14, Xã Nha Bích, Thành phố Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu
5.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6.	Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Thành phố Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoạn 2, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng	Kinh doanh xăng dầu
7.	Công viên Nước Thanh Lễ	563 Đại lộ Bình Dương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Công viên vui chơi, dịch vụ ăn uống, cho thuê hội
8.	Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, cho thuê hội trường
9.	Trung tâm Tổ chức Hội nghị và Sự kiện Thanh Lễ	Số 11A Đường 18/9, Xã Phú Giáo, TP.HCM	Dịch vụ cho thuê hội trường
10.	Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thủ Dầu Một, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
11.	Tổng kho Xăng dầu VK 102 - Thanh Lễ	Ấp 6, Xã Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
12.	Kho cảng xăng dầu Bình Thắng	Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
13.	Ban Quản lý KCN Sóng Thần I - Bình Dương	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP.HCM	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
14.	Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Phường Thuận An, TP.HCM	Kinh doanh vật liệu xây dựng
15.	Hệ thống 24 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	TP HCM và Thành phố Đồng Nai	Kinh doanh xăng dầu

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ **Công ty con và Công ty liên doanh liên kết**

Tên Công ty	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp	Vốn đầu tư của TCT	Tỷ lệ quyền kiểm soát
Công ty con				
1. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Dịch vụ vệ sinh đô thị; Trồng và chăm sóc cây xanh; Duy trì hệ thống chiếu sáng công cộng và thoát nước đô thị	3700144108	43.738.905.964	100%
2. Công ty TNHH Đăng kiểm Xe cơ giới 61-05D	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn nhiên liệu	3702525028	15.000.000.000	100%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu	3700828316	24.000.000.000	80,00%
4. Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Kho bãi, lưu giữ và vận chuyển hàng hóa	3702395178	480.000.000.000	60%
5. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Vận tải xăng dầu; Kinh doanh mặt hàng cát xây dựng và san lấp mặt bằng	3700817346	45.302.676.635	57,97%
6. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Sản xuất nước đóng chai, kinh doanh bao bì, cho thuê nhà xưởng	3700785510	8.188.380.782	56,84%
Công ty liên kết				
7. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Cung cấp các loại giống cây trồng	3701815415	37.937.734.355	35,02%
8. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất vật liệu xây dựng	3700148529	256.458.010.136	25,00%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 30/6/2026 như sau:

Công ty	Giá trị khoản đầu tư	Lợi thế thương mại	Giá trị phần vốn góp thực tế	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	17.738.905.964	26.000.000.000	26.000.000.000	100%
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	15.000.000.000	-	15.000.000.000	15.000.000.000	100%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	-	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	480.000.000.000	-	480.000.000.000	800.000.000.000	60,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	45.302.676.635	6.988.136.848	38.314.539.787	66.088.039.787	57,97%
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	515.380.782	7.673.000.000	13.500.000.000	56,84%
Cộng	616.229.963.381	25.242.423.594	590.987.539.787		

❖ Số lượng người lao động

Số lượng người lao động tại thời điểm cuối kỳ là 1.073 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:
- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 (“Thông tư 43/2026”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.
- + Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 99/2025”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính).
- Thông tư 99/2025 và Thông tư 43/2026 được áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2026, do đó số liệu kỳ trước sẽ được trình bày lại trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này theo các chỉ tiêu tương ứng để có thể so sánh được với số liệu kỳ này.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Báo cáo tài chính của các Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.
- Số dư các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.
- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ; được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tổng Công ty ghi nhận các giao dịch kinh tế bằng ngoại tệ trong báo cáo tài chính theo hướng dẫn của Thông tư 99 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán: tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Ngoài tỷ giá giao dịch thực tế nêu trên, Tổng Công ty có thể lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển Khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại. Việc sử dụng tỷ giá xấp xỉ đảm bảo không làm ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Đối với thành phẩm giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền có phân biệt theo từng nguồn hàng nhập khẩu và nội địa; hàng tồn kho được hạch toán theo từng lần phát sinh.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/05/2025 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
+ Máy móc và thiết bị	03 – 15
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15
+ Tài sản cố định khác	05 – 10

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

6.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn và QSDĐ lâu dài.
- Nguyên giá của Quyền sử dụng đất (QSDĐ) gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).
- Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

❖ Chương trình phần mềm

- Nguyên giá chương trình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Tổng Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ vô hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định vô hình	Số năm
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
+ Chương trình phần mềm	10

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

7. Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.
- Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.
- Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.
- Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).
- BĐSĐT cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các nhóm BĐSĐT như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Số năm
+ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
+ Quyền sử dụng đất có thời hạn, Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

9. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ). Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

- Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Tổng Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).
- Trường hợp khoản lỗ trong công ty liên doanh, liên kết mà Tổng Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Tổng Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

10. Các khoản chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí này ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

11. Lợi thế thương mại

- Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất kinh doanh thể hiện khoản thanh toán của bên mua cho những lợi ích kinh tế ước tính thu được trong tương lai từ những tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận và không xác định được một cách riêng biệt.
- Xác định giá trị ban đầu của Lợi thế thương mại theo giá gốc: là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận.
- Theo hướng dẫn tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “**Chênh lệch đánh giá lại tài sản**” của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất” (Tại Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2026 thay thế cụm từ “Bảng cân đối kế toán” thành “Báo cáo tình hình tài chính”).

12. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý. Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

14. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau ...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.
- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối kỳ phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

15. Doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá, dịch vụ, tài sản cho người mua sử dụng.
- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn của Tổng Công ty được ghi nhận trong trường hợp Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn được tính và kết chuyển dần vào doanh thu của các kỳ kế toán sau.

16. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ *Cổ phiếu mua lại của chính mình*

- Khi mua lại cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình (cổ phiếu quỹ) và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.
- Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ Lợi ích cổ đông không kiểm soát

- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tài chính của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

18. Các khoản chi phí

- Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.
- Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

20. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên Thu nhập tính thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Lãi trên cổ phiếu

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán (mẫu số).
- *Lãi suy giảm trên cổ phiếu* được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông (mẫu số).

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

23. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

ĐVT: Đồng

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	4.951.773.127	11.767.117.611
- Tiền gửi ngân hàng (*)	666.594.443.585	723.960.866.475
- Các khoản tương đương tiền (**)	1.349.882.880.800	1.059.005.000.000
Cộng	2.021.429.097.512	1.794.732.984.086
(*) Trong đó Tiền gửi có ngoại tệ	USD 49,452.02	USD 58,612.98

(**) Các khoản Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.500.000.000	20.765.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN	5.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.102.027.397	-
Cộng	12.602.027.397	30.765.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	1.173.296.473.715	1.512.396.525.042
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	378.331.101.074	349.948.249.740
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	10.131.158.763	220.434.143.486
Cộng	1.561.758.733.552	2.082.778.918.268

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	5.996.518.000	9.100.908.000
--------------------------------------	---------------	---------------

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	5.066.735.524	5.357.977.656
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	3.606.454.635	5.045.141.809
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	4.153.283.725	1.116.562.938
Cộng	12.826.473.884	11.519.682.403

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	44.330.820	44.330.820
--------------------------------------	------------	------------

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ	-	33.055.340.462
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ	-	38.533.799.847
- Tạm ứng	58.879.729.003	58.938.140.363
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	557.067.711
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S (*)	24.203.700.000	15.175.930.000
- Các đối tượng khác	3.358.025.930	7.762.854.299
Cộng	86.441.454.933	154.023.132.682

(*) Bên liên quan.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngày 30/6/2026		Ngày 01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty TNHH MTV Minh Nguyệt	2.897.012.000	(2.897.012.000)	2.897.012.000	(2.897.012.000)
- DNTN Dịch vụ TM Hải Long	1.446.839.586	(1.446.839.586)	1.446.839.586	(1.446.839.586)
- Công ty TNHH XD Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.177.940.000	(1.177.940.000)	1.177.940.000	(1.177.940.000)
- Công ty TNHH Phong Huy Vân	41.852.000	(41.852.000)	41.852.000	(41.852.000)
- Công ty TNHH MTV Vận tải XD Tấn Hoàng	170.113.583	(85.056.792)	170.113.583	(85.056.792)
- Công ty TNHH MTV Thời trang của Chúng ta VINA	2.262.913.394	(2.262.913.394)	2.262.913.394	(2.262.913.394)
Cộng	7.996.670.563	(7.911.613.772)	7.996.670.563	(7.911.613.772)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

7. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hàng mua đang đi đường	-	750.915.360.368
- Nguyên liệu, vật liệu	221.024.401.153	69.142.742.628
- Công cụ, dụng cụ	636.607.475	677.780.261
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.505.013.161	279.100.000
- Sản phẩm	690.842.132.424	478.080.786.593
- Hàng hoá	1.408.677.960.353	1.339.934.589.891
Cộng	2.347.686.114.566	2.639.030.359.741

8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công cụ dụng cụ	1.889.137.750	928.383.923	(1.722.298.697)	1.095.222.976
- Chi phí bảo hiểm, sửa chữa, chi phí khác	7.029.138.389	14.928.045.217	(9.691.989.053)	12.265.194.553
Cộng	8.918.276.139	15.856.429.140	(11.414.287.750)	13.360.417.529

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
9. Thuế GTGT được khấu trừ	128.288.024.113	27.325.742.822
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ và TSCĐ mua vào.		
10. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước		
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.040.847.650	11.887.692.123
- Thuế Thu nhập cá nhân	528.731.159	190.699.389
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	1.722.170.992
- Thuế Bảo vệ môi trường	33.394.800	-
Cộng	7.602.973.609	13.800.562.504
11. Phải thu dài hạn khác		
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư Cảng Cạn An Sơn	21.033.179.445	21.033.179.445
- Đặt cọc Hợp đồng thực hiện dự án Kho xăng dầu Cục Hậu cần QK7	20.000.000.000	20.000.000.000
- Đặt cọc Hợp đồng thuê mặt bằng	1.020.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.000.000	4.000.000
Cộng	42.057.179.445	41.037.179.445

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

12. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2026	1.640.999.603.851	297.495.010.459	442.949.597.914	7.528.818.470	4.672.141.804	2.393.645.172.498
Tăng trong kỳ	10.892.180.770	5.664.463.017	1.955.416.917	-	-	18.512.060.704
Ngày 30/6/2026	1.651.891.784.621	303.159.473.476	444.905.014.831	7.528.818.470	4.672.141.804	2.412.157.233.202
Giá trị hao mòn						
Ngày 01/01/2026	740.581.820.728	167.375.304.277	327.728.496.749	5.718.304.178	3.598.272.446	1.245.002.198.378
Khấu hao trong kỳ	19.614.255.783	11.820.597.297	16.140.789.619	244.034.688	137.888.700	47.957.566.087
Ngày 30/6/2026	760.196.076.511	179.195.901.574	343.869.286.368	5.962.338.866	3.736.161.146	1.292.959.764.465
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2026	900.417.783.123	130.119.706.182	115.221.101.165	1.810.514.292	1.073.869.358	1.148.642.974.120
Ngày 30/6/2026	891.695.708.110	123.963.571.902	101.035.728.463	1.566.479.604	935.980.658	1.119.197.468.737
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
Ngày 01/01/2026	16.599.321.272	47.963.034.111	139.061.969.124	1.985.552.580	2.881.155.624	208.491.032.711
Ngày 30/6/2026	17.790.468.164	48.922.758.747	194.186.201.124	2.118.952.580	2.881.155.624	265.899.536.239

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

13. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy	Tổng cộng
Chỉ tiêu	[a]	tính [b]	
Nguyên giá			
Ngày 01/01/2026	308.767.714.234	3.655.547.000	312.423.261.234
Tăng trong kỳ	-	70.342.000	70.342.000
Ngày 30/6/2026	308.767.714.234	3.725.889.000	312.493.603.234
Giá trị hao mòn			
Ngày 01/01/2026	108.291.237.035	953.230.716	109.244.467.751
Khấu hao trong kỳ	3.531.637.644	168.155.052	3.699.792.696
Ngày 30/6/2026	111.822.874.679	1.121.385.768	112.944.260.447
Giá trị còn lại			
Ngày 01/01/2026	200.476.477.199	2.702.316.284	203.178.793.483
Ngày 30/6/2026	196.944.839.555	2.604.503.232	199.549.342.787
Nguyên giá TS khấu hao hết còn sử dụng			
Ngày 01/01/2026	-	700.000.000	700.000.000
Ngày 30/6/2026	-	700.000.000	700.000.000

[a] Là Giá trị Quyền sử dụng đất tại các Cửa hàng xăng dầu, Công ty con, Chi nhánh và Đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty.

[b] Là Phần mềm quản lý các cửa hàng bán lẻ xăng dầu và Hệ thống phần mềm quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP tại văn phòng công ty.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

14. Bất động sản đầu tư

Nhóm BDS	Quyền sử dụng đất [a]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại CN HCM [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc tại Cao ốc Bình Dương	Nhà xưởng và văn phòng cho thuê	Tổng cộng
Chỉ tiêu					
Nguyên giá					
Ngày 01/01/2026	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	351.718.379.254
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Ngày 30/6/2026	281.104.376.155	22.486.765.076	34.271.436.844	13.855.801.179	351.718.379.254
Giá trị hao mòn					
Ngày 01/01/2026	26.850.367.487	8.348.765.070	10.864.851.268	12.487.280.961	58.551.264.786
Khấu hao trong kỳ	261.510.738	222.062.826	656.259.408	114.773.232	1.254.606.204
Ngày 30/6/2026	27.111.878.225	8.570.827.896	11.521.110.676	12.602.054.193	59.805.870.990
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2026	254.254.008.668	14.138.000.006	23.406.585.576	1.368.520.218	293.167.114.468
Ngày 30/6/2026	253.992.497.930	13.915.937.180	22.750.326.168	1.253.746.986	291.912.508.264

[a] Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Cao ốc Bình Dương;
- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (Đất thuê còn lại sau khi thanh lý, nhượng bán có thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2054).
- Quyền sử dụng đất tại Phường An Bình.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- [b] Tòa nhà Cao ốc văn phòng tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Số 102 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

15. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Khu nhà Thương mại An Bình	19.842.941.801	19.842.941.801
- Khu nhà Thương mại Phú Thọ, Thanh Lễ	19.208.021.189	19.077.965.146
- Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ	26.330.759.780	8.210.123.500
Cộng	65.381.722.770	47.131.030.447

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Khu Kho cảng An Sơn	311.086.543.529	309.588.100.572
- Kho xăng dầu Phú Quốc	171.384.838.969	171.384.838.969
- Cải tạo tổng kho XD Chánh Mỹ	45.202.956.202	42.694.396.688
- Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư	47.704.055.929	47.704.055.929
- Hệ thống cửa hàng xăng dầu	3.489.000.000	8.802.182.913
- Các công trình, dự án khác	65.986.563.828	24.638.835.408
Cộng	644.853.958.457	604.812.410.479

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

17. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
17.1 Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	344.747.494.882	310.184.227.276
17.2 Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	62.789.427.103	65.366.462.017
Cộng	407.536.921.985	375.550.689.293

17.1 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (UPCoM: MVC). Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty nắm giữ **25.000.000 Cổ phiếu**, chiếm **25%** Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương.

17.2 Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty nắm giữ **3.743.327 Cổ phiếu**, chiếm **35,02%** Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương.

Tình hình biến động của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

Nội dung	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng BD	Công ty CP Nông Lâm nghiệp BD	Cộng
Giá gốc khoản đầu tư	256.458.010.136	37.937.734.355	294.395.744.491
Lợi nhuận lũy kế khoản đầu tư			
- Ngày 01/01/2026	53.726.217.140	27.428.727.662	81.154.944.802
- Lợi nhuận trong kỳ	37.626.362.479	3.862.106.400	41.488.468.879
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ	(3.063.094.873)	(6.439.141.314)	(9.502.236.187)
- Nhận cổ tức	-	(4.491.677.667)	(4.491.677.667)
- Trích quỹ KTPL, điều chỉnh khác	(3.063.094.873)	(1.947.463.647)	(5.010.558.520)
- Ngày 30/6/2026	88.289.484.746	24.851.692.748	113.141.177.494
Giá trị khoản đầu tư liên kết			
- Ngày 01/01/2026	310.184.227.276	65.366.462.017	375.550.689.293
- Ngày 30/6/2026	344.747.494.882	62.789.427.103	407.536.921.985

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

18. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

Nội dung	Ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công cụ dụng cụ	229.292.639	429.741.851	(104.923.143)	554.111.347
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	397.523.755	-	(198.761.964)	198.761.791
- Chi phí sửa chữa, các chi phí khác	16.860.001.487	3.036.441.862	(5.541.896.165)	14.354.547.184
Cộng	17.486.817.881	3.466.183.713	(5.845.581.272)	15.107.420.322

19. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	803.404.895.146	463.453.146.979
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	7.250.848.198	1.123.293.578
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	2.397.716.563	3.377.136.868
Cộng	813.053.459.907	467.953.577.425

Trong đó số dư với Bên liên quan:

+ Công ty CP Xăng Dầu và Dịch vụ Hàng Hải S.T.S	-	484.640.000
---	---	-------------

20. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Hoạt động kinh doanh xăng dầu	2.946.041.486	6.048.463.224
- Hoạt động kinh doanh Bất động sản	5.570.000.000	1.250.000.000
- Kinh doanh dịch vụ và các hoạt động khác	248.854.431	106.805.680
Cộng	8.764.895.917	7.405.268.904

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Ngày 30/6/2026

Ngày 01/01/2026

21. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

146.097.935

6.606.063.120

Cổ tức các năm trước còn phải trả cho cổ đông Tổng công ty và cổ đông không kiểm soát.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2026	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	33.714.991.937	73.411.658.421	(105.693.097.628)	1.433.552.730
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	38.533.799.847	228.518.719.299	(267.052.519.146)	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	21.808.282.583	106.345.908.573	(128.154.191.156)	-
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	6.675.101	55.922.807.277	(55.929.482.378)	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(8.453.853.374)	18.059.349.026	(14.034.544.186)	(4.429.048.534)
- Thuế Thu nhập cá nhân	78.680.019	992.896.801	(1.508.187.418)	(436.610.598)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(1.722.170.992)	12.653.494.797	(5.997.947.825)	4.933.375.980
- Thuế bảo vệ môi trường	180.463.622.723	445.367.957.142	(625.864.974.665)	(33.394.800)
Thu hộ Phí sử dụng đường bộ; Phí, lệ phí, các khoản khác	63.675.000	161.614.537.676	(161.618.612.676)	59.600.000
Cộng	264.493.702.844	1.102.887.329.012	(1.365.853.557.078)	1.527.474.778

Trong đó:

- Thuế phải nộp	278.294.265.348	9.130.448.387
Thuế nộp thừa	(13.800.562.504)	(7.602.973.609)
(Tham chiếu V.10)		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * *Không chịu thuế* : *Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất*
- * *Không kê khai thuế* : *Hoa hồng đại lý bảo hiểm, lệ phí cấp GCN kiểm định; phí sử dụng đường bộ*
- * *5%* : *Nước sinh hoạt*
- * *8% và 10%* : *Xăng, dầu, nhớt; đá xây dựng; cho thuê mặt bằng, dịch vụ khác...*
- * *Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026* : *xăng, dầu diesel, dầu hỏa, dầu mazut và nhiên liệu bay thuộc đối tượng Không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.*

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất áp dụng

- * *7%* : *Xăng E10*
- * *8%* : *Xăng E5*
- * *10%* : *các loại xăng khác (Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026 là 0%);*
- * *20%* : *hoạt động kinh doanh Gôn*

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan. Tổng Công ty được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu xăng dầu theo các Nghị định sau:

- Nghị định 126/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022-2027.
- Nghị định 125/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027.
- Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan.

- Nghị quyết số 25/2026/NQ-CP ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về việc kéo dài thời hạn áp dụng của Nghị định số 72/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế Bảo vệ môi trường

- Căn cứ Nghị quyết số 109/2025/UBTVQH15 ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ban hành quy định về Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 như sau:

- * Xăng (trừ etanol) : 2.000 đồng/lít
- * Dầu diesel : 1.000 đồng/lít
- * Từ ngày 26/3/2026 đến hết ngày 30/6/2026 : 0 đồng/lít

(thực hiện theo Quyết định 482/QĐ-TTg ngày 26/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 19/2026/QH16 ngày 12/4/2026 của Quốc Hội)

Các khoản Phí, lệ phí phải nộp

- Thu hệ Lệ phí cấp giấy chứng nhận và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016, và Thông tư số 156/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026) quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
- Thu hệ Phí sử dụng đường bộ và nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 90/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/02/2024).

Các loại thuế khác

Tổng Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Chi phí lãi vay	-	6.212.124.530
- Phí thuê kho tại CN Hải Phòng	153.473.175	1.616.017.115
- Phí môi giới	-	413.364.184
- Chi phí khác	663.421.205	406.422.774
Cộng	816.894.380	8.647.928.603

24. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	235.803.006	206.497.246
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	844.820.797	978.842.097
- Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics	32.600.000.000	32.600.000.000
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Các khoản phải trả khác	2.706.958.697	1.219.605.497
Cộng	37.765.463.300	36.382.825.640

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

		Ngày 01/01/2026	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại nợ đến hạn	Ngày 30/6/2026
25.1	Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bình Dương	884.447.276.863	3.059.082.398.841	(3.727.138.843.297)	-	216.390.832.407
25.2	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN - CN Bình Dương	100.000.000.000	-	(100.000.000.000)	-	-
25.3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Bình Dương	1.551.720.097.306	2.734.609.337.065	(3.153.011.892.985)	-	1.133.317.541.386
25.4	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN – CN Quận 10	696.295.297.644	1.066.827.918.784	(1.283.116.764.739)	-	480.006.451.689
25.5	Ngân hàng TMCP Hàng hải VN (MSB) – CN TPHCM	-	299.463.270.371	(10.200.000.000)	-	289.263.270.371
25.6	Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Sài Gòn	391.966.225.769	1.162.578.739.249	(1.222.666.125.514)	-	331.878.839.504
25.7	The Siam Commercial Bank Public Company Limited – CN TP Hồ Chí Minh	85.861.765.859	694.348.705.988	(517.744.361.082)	-	262.466.110.765

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

		Ngày 01/01/2026	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại nợ đến hạn	Ngày 30/6/2026
25.8	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	100.001.315.933	260.034.563.889	(360.035.879.822)	-	-
25.9	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn	195.209.453.966	359.872.361.978	(287.052.352.897)	-	268.029.463.047
25.10	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (VN) - CN TP HCM	-	1.013.495.357.738	(877.493.571.114)	-	136.001.786.624
25.11	Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM - CN TT KD DN lớn HCM	140.421.265.177	691.116.670.395	(502.858.347.272)	-	328.679.588.300
25.12	Ngân hàng TMCP Kỹ thương VN – Hội sở miền Nam	973.403.304.021	1.578.324.995.303	(1.547.989.431.467)	-	1.003.738.867.857
25.13	Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương (Nợ dài hạn đến hạn trả)	1.602.400.000	-	(802.200.000)	402.000.000	1.202.200.000
	Cộng	5.120.928.402.538	12.919.754.319.601	(13.590.109.770.189)	402.000.000	4.450.974.951.950

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.1 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2023-HĐCVHM/NHCT640-TCT Thanh Lễ ngày 28/4/2023, Bản ghi nhớ giới hạn tín dụng ngày 28/4/2023, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2024-HĐCV-SĐBS01/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 24/5/2024, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS03/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 14/02/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230003/2025-HĐCVHM-SĐBS04/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 26/8/2025, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 230006/2026-HĐCVHM/NHCT640-TCTTHANHLE kí ngày 23/3/2026, cụ thể:

- Giới hạn tín dụng : 1.400.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/3/2027
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số máy móc thiết bị và QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.2 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng tín dụng số 1800LAV240115010 ngày 20/12/2024, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến hết ngày 19/12/2025
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng, quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh và mở L/C phục vụ kinh doanh mặt hàng xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/83406/HĐTD ngày 10/9/2025 với các nội dung sau:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng gồm cả Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/8/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, thầu chi phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp một số QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/83406/HĐTD ngày 31/12/2025 với các nội dung sau:

- Số tiền vay : 53.191.687.446 Đồng
- Mục đích vay : Nộp thuế Nhập khẩu, TTĐB, GTGT
- Thời hạn vay : 90 ngày
- Lãi suất : 6,5%/năm
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.4 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Quận 10

Theo Hợp đồng tín dụng số 1046166.25 ngày 14/5/2025 và Hợp đồng tín dụng số 1035447.26 ngày 26/5/2026, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân và được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, thanh toán các loại thuế/phí liên quan đến nhập khẩu/KD xăng dầu, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.5 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB) – Chi nhánh TPHCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 156301/2025/HĐTD ngày 11/02/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.000.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu (bao gồm thanh toán các khoản thuế liên quan đến kinh doanh xăng dầu)
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 441/2025/0020/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 27/8/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 600.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày 27/8/2025 đến ngày 27/8/2026
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 3 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu, phát hành bảo lãnh, mở và thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.7 Vay ngắn hạn Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 30/11/2022; Thư gia hạn ngày 30/11/2023; Hợp đồng sửa đổi lần thứ nhất của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số HDTD.024/SCB.HCM/2022 ngày 23/10/2023; Thư gia hạn ngày 29/11/2024 và Thư gia hạn ngày 28/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 12.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/11/2026
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 3 tháng và được quy định cụ thể tại Thông báo rút vốn
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

25.8 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 307/2025/HDTD/BDG ngày 17/12/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 369.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu, mở L/C
- Thời hạn vay : Không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.9 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số 351878.25.120.969666.TD ngày 20/11/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 05/11/2026
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu
- Thời hạn vay : Không quá 4 tháng và được quy định cụ thể tại văn bản nhận nợ
- Lãi suất : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.10 Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP HCM

Theo Hợp đồng tín dụng số UOB/HCMC/CB-1422 ngày 12/6/2023, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20.000.000 USD
- Thời hạn cấp hạn mức : 01 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần cho các kỳ kế tiếp và mỗi lần gia hạn là 01 năm trừ khi có thông báo khác bằng văn bản của Ngân hàng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.11 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM – Chi nhánh Trung tâm Kinh doanh Doanh nghiệp lớn HCM

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12217/25MN/HĐTD ngày 27/6/2025, cụ thể:

- Hạn mức vay : 500.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất, Thời hạn vay : Xác định theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

25.12 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở miền Nam

Theo Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20242271846/HĐCTD ngày 24/10/2024 và các Phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL01 ngày 27/6/2025, Phụ lục số CIB20242271846/HĐCTD/PL02 ngày 27/6/2026, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng hoặc ngoại tệ tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng (từ ngày 27/6/2025 đến hết ngày 27/7/2026)
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất, Thời hạn vay : Được quy định cụ thể tại Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Thế chấp QSDĐ, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

25.13 Nợ dài hạn đến hạn trả Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ vay **Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương** đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.31.2) theo các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) sau:

	Ngày 01/01/2026	Phân loại Nợ đến hạn	Trả nợ vay trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- HĐTD số 04/2021 mua 2 xe ép rác	798.400.000	-	(400.200.000)	398.200.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	804.000.000	402.000.000	(402.000.000)	804.000.000
Cộng	1.602.400.000	402.000.000	(802.200.000)	1.202.200.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

26. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

Chỉ tiêu	Ngày 01/01/2026	Chi trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Quỹ khen thưởng	47.834.236.487	(14.211.542.931)	33.622.693.556
- Quỹ phúc lợi	249.807.571	(10.000.000)	239.807.571
Quỹ khen thưởng, thù lao Ban Điều hành	1.404.798.550	(336.281.152)	1.068.517.398
Cộng	49.488.842.608	(14.557.824.083)	34.931.018.525

27. Quỹ bình ổn giá

Tình hình biến động Quỹ bình ổn giá trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	QBOG_Nguồn TCT quản lý	QBOG_Nguồn Tạm ứng từ NSNN	Cộng
- Số dư QBOG đầu kỳ	391.640.628.617	-	391.640.628.617
- Phát sinh trong kỳ	(162.489.820.711)	163.490.629.624	1.000.808.913
+ Nhận tạm ứng từ NSNN	-	59.360.554.680	59.360.554.680
+ Trích lập trong kỳ	-	106.160.181.449	106.160.181.449
+ Sử dụng trong kỳ	(162.786.889.645)	(2.067.709.325)	(164.854.598.970)
+ Lãi phát sinh trong kỳ	297.068.934	37.602.820	334.671.754
- Số dư QBOG cuối kỳ	229.150.807.906	163.490.629.624	392.641.437.530

Chi tiết số dư Quỹ bình ổn giá cuối kỳ:

Chỉ tiêu	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Quỹ bình ổn giá	384.994.351.395	384.328.214.236
- Lãi quỹ bình ổn giá	7.647.086.135	7.312.414.381
Cộng	392.641.437.530	391.640.628.617

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
28. Phải trả người bán dài hạn	22.024.200.000	22.024.200.000
Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân.		
29. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động kinh doanh cho thuê hạ tầng khu công nghiệp và văn phòng làm việc:		
	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	219.352.501.016	231.504.745.859
- Nhận trước tiền thuê trong kỳ	13.435.254.156	-
- Doanh thu thực hiện trong kỳ	(6.194.498.766)	(6.076.122.504)
- Số cuối kỳ	226.593.256.406	225.428.623.355
30. Phải trả dài hạn khác		
Tiền nhận ký quỹ, ký cược dài hạn:		
	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty TNHH ScanCom Việt Nam	5.327.098.920	5.327.098.920
- Công ty TNHH Dong-A Vina	4.020.329.586	4.020.329.586
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	2.303.083.280	2.303.083.280
- Công ty CP Vacxin Việt Nam - CN Bình Dương	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty TNHH ELTETE (Việt Nam)	-	1.180.769.327
- Công ty TNHH Interchina Management Việt Nam	1.192.472.518	1.192.472.518
- Các đối tượng khác	4.841.208.003	5.301.750.423
Cộng	18.884.192.307	20.525.504.054

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

31. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Ngày 01/01/2026	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại Nợ đến hạn	Ngày 30/6/2026
31.1 Ngân hàng TMCP Hàng hải VN	5.300.000.000	(2.650.000.000)		2.650.000.000
31.2 Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Bình Dương	19.422.783.000	(1.657.140.000)	(402.000.000)	17.363.643.000
Cộng	24.722.783.000	(4.307.140.000)	(402.000.000)	20.013.643.000

31.1 Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

Theo Hợp đồng cho vay số 567/2021/HĐCV ngày 05/07/2021 với các điều khoản sau:

- Số tiền vay : **53.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Đầu tư các cửa hàng xăng dầu tại Bình Phước
- Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
- Dư nợ 30/6/2026 : **2.650.000.000 Đồng**

*Trong đó nợ đến hạn trong vòng 12 tháng : 2.650.000.000 Đồng***31.2 Vay dài hạn Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương**

Vay dài hạn của Quỹ Bảo vệ môi trường Tỉnh Bình Dương theo các Hợp đồng tín dụng sau:

	Ngày 01/01/2026	Trả nợ vay trong kỳ	Chuyển Nợ đến hạn	Ngày 30/6/2026
- HĐTD số 02/2024 cải tạo NM XLNT Sóng Thần I	18.504.783.000	(1.657.140.000)	-	16.847.643.000
- HĐTD số 01/2023 mua 1 xe ép rác	918.000.000	-	(402.000.000)	516.000.000
Cộng	19.422.783.000	(1.657.140.000)	(402.000.000)	17.363.643.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Một số điều khoản của các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) như sau:

- * Theo Hợp đồng tín dụng số 02/2024/HĐTD ngày 15/05/2024 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 16-2025/HĐSĐBS-QBVMТ ngày 24/12/2025 với các điều khoản sau:
 - Số tiền vay : **23.079.393.000 Đồng**
 - Thời hạn vay : 84 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản vay đầu tiên
 - Mục đích vay : Đầu tư cải tạo Nhà máy Xử lý nước thải Sóng Thần 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
 - Lãi suất cho vay : 3%/năm cố định trong suốt thời hạn vay vốn
 - Tài sản đảm bảo : Bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương
 - Dư nợ 30/6/2026 : **16.847.643.000 Đồng**
trong đó Nợ đến hạn trong vòng 12 tháng là **3.314.280.000 Đồng**.
- * Hợp đồng tín dụng số 01/2023/HĐTD ngày 08/02/2023:
 - Mục đích vay : Đầu tư mua 1 xe chuyên dụng phục vụ công tác thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt
 - Thời hạn vay : 60 tháng
 - Số tiền vay : 4.000.000.000 Đồng
 - Lãi suất : Lãi suất 4,2%/năm, trả lãi hàng tháng
 - Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay và các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn
 - Dư nợ 30/6/2026 : **1.320.000.000 Đồng**,
trong đó Nợ đến hạn trả là **804.000.000 Đồng**.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

32. Vốn chủ sở hữu (CSH)

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
A Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025				
32.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4 Quỹ đầu tư phát triển	32.530.533.229	4.913.521.922	-	37.444.055.151
32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	2.025.125.850	37.887.395.120	(15.969.147.324)	23.943.373.646
32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	363.289.340.943	8.038.162.575	-	371.327.503.518
Cộng	2.738.358.776.428	50.839.079.617	(15.969.147.324)	2.773.228.708.721
B Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026				
32.1 Vốn góp của CSH	2.366.000.000.000	-	-	2.366.000.000.000
32.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình	(243.800.000)	-	-	(243.800.000)
32.3 Chênh lệch đánh giá lại Tài sản	(25.242.423.594)	-	-	(25.242.423.594)
32.4 Quỹ đầu tư phát triển	41.140.666.966	-	-	41.140.666.966
32.5 Lợi nhuận sau thuế CPP	72.039.163.163	96.886.604.317	-	168.925.767.480
32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	367.878.349.420	6.894.921.063	-	374.773.270.483
Cộng	2.821.571.955.955	103.781.525.380	-	2.925.353.481.335

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

32.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	236.600.000	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	(20.100)	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	236.579.900	Cổ phiếu
- Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	236.579.900	Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các cổ đông như sau:

Cổ đông	Ngày 30/6/2026 (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Ngày 01/01/2026 (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân TP HCM	85.176.000	36,00%	85.176.000	36,00%
- Các cổ đông khác	151.424.000	64,00%	151.424.000	64,00%
Cộng	236.600.000	100,00%	236.600.000	100,00%

32.2 Cổ phiếu mua lại của chính mình

Tổng Công ty đã mua lại 20.100 cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2019/NQ-HĐQT ngày 06/5/2019. Thời gian mua lại cổ phiếu quỹ từ ngày 24/6/2019 đến ngày 22/7/2019.

32.3 Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tại khoản 5, Điều 14, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quy định: “Đối với các công ty mẹ được cổ phần hoá từ công ty Nhà nước, khi xác định giá trị doanh nghiệp, công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào công ty con. Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ và phần sở hữu của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất” (theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cụm từ “Bảng cân đối kế toán” đã được thay thế thành “Báo cáo tình hình tài chính”).

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Tình hình biến động khoản Chênh lệch đánh giá lại tài sản như sau:

Chỉ tiêu	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	17.738.905.964	17.738.905.964
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	6.988.136.848	6.988.136.848
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	515.380.782	515.380.782
Cộng	25.242.423.594	25.242.423.594

32.4 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	41.140.666.966	32.530.533.229
- Trích trong kỳ	-	4.913.521.922
- Số cuối kỳ	41.140.666.966	37.444.055.151

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

32.5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (CPP)

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	72.039.163.163	2.025.125.850
- Điều chỉnh lợi nhuận CPP kỳ trước	314.733	(2.555.232.477)
- Phân phối lợi nhuận của kỳ trước	-	(13.413.914.847)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	(4.913.521.922)
+ Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	(7.370.282.883)
+ Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	-	(1.130.110.042)
- Lợi nhuận CPP kỳ trước chuyển kỳ này	72.039.477.896	(13.944.021.474)
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này	96.886.289.584	37.887.395.120
- Lợi nhuận CPP lũy kế chuyển kỳ sau	168.925.767.480	23.943.373.646

32.6 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

Chỉ tiêu	Vốn góp của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
A Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025				
- Số đầu kỳ	359.600.500.000	1.825.756.342	1.863.084.601	363.289.340.943
- Lãi, lỗ trong kỳ	-	-	8.038.162.575	8.038.162.575
- Số cuối kỳ	359.600.500.000	1.825.756.342	9.901.247.176	371.327.503.518
B Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026				
- Số đầu kỳ	359.600.500.000	4.505.911.501	3.771.937.919	367.878.349.420
- Lãi, lỗ trong kỳ	-	-	6.894.921.063	6.894.921.063
- Số cuối kỳ	359.600.500.000	4.505.911.501	10.666.858.982	374.773.270.483

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP
 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
33. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	12.128.249.636.971	9.640.724.257.364
- Doanh thu bán sản phẩm	2.031.486.681.577	418.563.461.083
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.781.801.429	167.286.683.876
- Doanh thu kinh doanh, cho thuê BĐS	179.052.054.006	44.729.260.991
- Doanh thu khác	244.024.446	2.084.267.863
Cộng Doanh thu thuần	14.427.814.198.429	10.273.387.931.177
34. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.693.579.948.479	9.315.766.970.084
- Giá vốn của sản phẩm đã bán	2.030.746.214.464	432.660.850.396
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.585.879.893	110.213.223.340
- Giá vốn kinh doanh, cho thuê BĐS	193.475.809.556	17.253.485.764
- Giá vốn khác	101.023.680	-
Cộng	13.946.488.876.072	9.875.894.529.584

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.863.779.793	10.868.628.112
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.146.819.196	11.291.054.572
- Chiết khấu thanh toán	-	118.810.010
Cộng	25.010.598.989	22.278.492.694

36. Chi phí tài chính

- Chi phí đi vay	152.983.805.703	109.126.371.859
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.665.960.783	35.560.071.167
Cộng	167.649.766.486	144.686.443.026

37. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	51.343.829.045	45.566.259.242
- Chi phí vật liệu, bao bì	948.975.689	708.430.356
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	604.035.647	711.259.377
- Chi phí khấu hao TSCĐ	20.065.652.732	20.279.758.306
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.171.562.773	32.941.856.908
- Chi phí bằng tiền khác	89.166.302.358	47.487.378.012
Cộng	197.300.358.244	147.694.942.201

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Chi phí nhân viên quản lý	31.008.774.946	26.251.505.426
- Chi phí vật liệu quản lý	614.297.952	408.994.411
- Chi phí đồ dùng văn phòng	320.075.963	851.108.554
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.492.519.655	3.554.222.949
- Thuế, phí và lệ phí	246.382.945	480.256.419
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.885.333.554	46.265.443.535
- Chi phí bằng tiền khác	13.370.728.483	12.031.954.542
Cộng	57.938.113.498	89.843.485.836

39. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết

- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	34.563.267.606	11.280.074.485
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	1.914.642.753	2.253.558.013
Cộng	36.477.910.359	13.533.632.498

40. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	7.020.000	3.955.723.905
- Thu tiền điện, nước khách thuê; hoa hồng	2.058.642.899	2.039.561.969
- Thu nhập khác	2.145.962.691	242.418.828
Cộng	4.211.625.590	6.237.704.702

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

41. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	2.899.753.343
- Chi tiền điện, nước khách thuê	1.822.389.358	1.488.406.585
- Chi phí khác	474.270.036	321.966.397
Cộng	2.296.659.394	4.710.126.325

42. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	121.840.559.673	52.608.234.099
- Điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	4.983.254.508	4.738.840.673
- Điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	(36.477.910.359)	(17.415.417.975)
- Chuyển lỗ SXKD của các năm trước	(49.158.694)	(6.649.840.583)
- Tổng Thu nhập tính thuế	90.296.745.128	33.281.816.214
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.059.349.026	6.656.363.243
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	26.313.161
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.059.349.026	6.682.676.404

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

43. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát

Lợi nhuận sau thuế của các cổ đông không kiểm soát tại các Công ty con:

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	496.093.089	555.435.319
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	21.216.892	(43.072.755)
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	5.673.237.856	6.752.127.128
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	704.373.226	773.672.883
Cộng	6.894.921.063	8.038.162.575

44. Lãi trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Công ty mẹ	96.886.289.584	37.887.395.120
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(16.470.669.229)	(1.798.017.992)
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	80.415.620.355	36.089.377.128
- Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	236.579.900	236.579.900
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	340	153
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	340	153

Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP
 Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

45. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.529.918.550.423	434.361.102.202
- Chi phí nhân công	118.806.765.262	96.338.917.474
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.125.864.812	54.336.541.564
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.555.027.317	139.880.314.599
- Chi phí khác bằng tiền	102.867.482.023	64.421.571.444
Cộng	2.909.273.689.837	789.338.447.283

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ của một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất đã được Tổng Công ty trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số dư 31/12/2025	Trình bày lại	Số dư 01/01/2026
313	Phải trả cổ tức, lợi nhuận		6.606.063.120	6.606.063.120
320	Phải trả ngắn hạn khác	42.988.888.760	(6.606.063.120)	36.382.825.640

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

2. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D	Công ty con
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics	Công ty con
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	Công ty có cùng thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập từ tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	2.587.115.387	1.850.807.693

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Các giao dịch giữa Tổng Công ty với các Công ty con, Công ty liên kết và các bên liên quan khác như sau:

❖ Nợ phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương [*]	305.721.604.252	1.391.356.812.212	1.372.121.277.991	324.957.138.473
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương [*]	(36.128.627.251)	17.531.742.196	20.003.991.000	(38.600.876.055)
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	-	71.292.850	60.654.850	10.638.000
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	-	1.810.662.353	1.810.662.353	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm Xe Cơ giới 61-05D [*]	-	793.970.000	793.970.000	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	-	4.537.000	4.537.000	-
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	9.100.908.000	146.983.155.000	150.087.545.000	5.996.518.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	-	28.382.496.421	28.382.496.421	-
Cộng	278.693.885.001	1.586.934.668.032	1.573.265.134.615	292.363.418.418

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ *Nợ phải thu cổ tức, lãi, cho vay và phải thu khác*

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải thu trong kỳ	Đã thu / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương [*]	7.662.907.957	133.074.480	7.795.982.437	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương [*]	3.600.629.235	2.711.971.900.000	2.715.572.529.235	-
- Công ty TNHH Công trình Đô thị Bình Dương [*]	6.457.028.794	-	6.457.028.794	-
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	-	19.250.400	19.250.400	-
- Công ty TNHH An Sơn Bình Dương Logistics [*]	48.900.000.000	-	-	48.900.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	15.175.930.000	181.050.920.000	172.023.150.000	24.203.700.000
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	4.491.992.400	4.491.992.400	-
Cộng	81.796.495.986	2.897.667.137.280	2.906.359.933.266	73.103.700.000

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ Nợ phải trả mua hàng hóa, dịch vụ và phải trả khác

Bên liên quan	Ngày 01/01/2026	Phải trả trong kỳ	Đã trả / giảm trong kỳ	Ngày 30/6/2026
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương [*]	4.225.173.559	63.712.724.472	52.685.202.920	15.252.695.111
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ [*]	-	34.898.000	34.898.000	-
- Công ty TNHH Đăng kiểm xe cơ giới 61-05D [*]	7.000.000.000	540.000.000	-	7.540.000.000
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	(44.330.820)	-	-	(44.330.820)
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	484.640.000	15.734.260.000	16.218.900.000	-
Cộng	11.665.482.739	80.021.882.472	68.939.000.920	22.748.364.291

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. Thông tin về báo cáo bộ phận**❖ Theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

❖ Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Kỳ này:

Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
- Doanh thu thuần	14.097.829.185.279	177.179.837.736	152.805.175.414	14.427.814.198.429
- Giá vốn hàng bán	(13.662.531.303.348)	(193.361.036.324)	(90.596.536.400)	(13.946.488.876.072)
- Lợi nhuận gộp	435.297.881.931	(16.181.198.588)	62.208.639.014	481.325.322.357
- Doanh thu HĐ tài chính	(4.483.934.171)	-	29.494.533.160	25.010.598.989
- Chi phí tài chính	(141.416.941.479)	(1.767.630.939)	(24.465.194.068)	(167.649.766.486)
- Chi phí bán hàng	(167.374.300.502)	(8.640.998.488)	(21.285.059.254)	(197.300.358.244)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	(42.312.010.369)	(504.524.976)	(15.121.578.153)	(57.938.113.498)
- Phần lãi, lỗ trong LDLK	36.477.910.359	-	-	36.477.910.359
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	116.188.605.769	(27.094.352.991)	30.831.340.699	119.925.593.477
- Thu nhập khác	-	-	4.211.625.590	4.211.625.590
- Chi phí khác	(3.500.000)	-	(2.293.159.394)	(2.296.659.394)
- Lợi nhuận khác	(3.500.000)	-	1.918.466.196	1.914.966.196
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.185.105.769	(27.094.352.991)	32.749.806.895	121.840.559.673
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	(11.429.266.964)	-	(6.630.082.062)	(18.059.349.026)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	104.755.838.805	(27.094.352.991)	26.119.724.833	103.781.210.647

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Hoạt động kinh doanh xăng dầu	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính và hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	10.057.541.979.291	42.983.761.721	172.862.190.165	10.273.387.931.177
Giá vốn hàng bán	(9.747.609.767.280)	(17.129.969.130)	(111.154.793.174)	(9.875.894.529.584)
Lợi nhuận gộp	309.932.212.011	25.853.792.591	61.707.396.991	397.493.401.593
Doanh thu HĐ tài chính	7.828.251	-	22.270.664.443	22.278.492.694
Chi phí tài chính	(105.449.890.221)	(8.999.199.107)	(30.237.353.698)	(144.686.443.026)
Chi phí bán hàng	(128.193.406.594)	(10.350.997.181)	(9.150.538.426)	(147.694.942.201)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65.717.380.890)	(5.506.913.224)	(18.619.191.722)	(89.843.485.836)
Phần lãi, lỗ trong LDLK	-	-	13.533.632.498	13.533.632.498
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	10.579.362.557	996.683.079	39.504.610.086	51.080.655.722
Thu nhập khác	236.367.702	-	6.001.337.000	6.237.704.702
Chi phí khác	(268.548.061)	-	(4.441.578.264)	(4.710.126.325)
Lợi nhuận khác	(32.180.359)	-	1.559.758.736	1.527.578.377
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.547.182.198	996.683.079	41.064.368.822	52.608.234.099
Thuế TNDN hiện hành	(741.071.062)	-	(5.941.605.342)	(6.682.676.404)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.806.111.136	996.683.079	35.122.763.480	45.925.557.695



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Một số các văn bản luật có liên quan được ban hành và có hiệu lực ngay trong năm 2026 như sau:

- Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026. **Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2026.**
- Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành các Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính Phủ sẽ hết hiệu lực. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.**
- Thông tư số 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, thay thế Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 94/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định **quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế** (Thu thập, xử lý, quản lý, sử dụng thông tin liên quan đến người nộp thuế phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế). Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
- Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam; hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương; hướng dẫn áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Thông tư này thay thế Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013; Thông tư 45/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Phê duyệt báo cáo tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Ngọc Đan Thảo

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Phạm Thị Băng Trang